TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **99**/2018/HNGĐ – ST
Ngày: 05/12/2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phạm Quang Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Chiếu.

Ông Đặng Hoàng Mích.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Cẩm Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 410/2018/TLST – HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 193/2018/QĐXXST–HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu L, sinh năm: 1973 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã N, thành phố L, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn H, sinh năm: 1973 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/7/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau vào năm 2001 trên

cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã N, thành phố L, tỉnh Tiền Giang.

Trong thời kỳ hôn nhân chị L và anh H chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi vã, anh H không lo cho gia đình thường xuyên nhậu nhẹt. Chị L và anh H sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay.

Chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa. Vì vậy chị L làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị L khai, Chị L và anh H có 02 người con chung tên là: Trương Văn N, sinh ngày: 31/01/2003 hiện đang sống chung với anh H và Trương Trọng P, sinh ngày: 06/5/2007 hiện đang sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu P cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị L đồng ý để anh H tiếp tục nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đối với anh H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử, nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của chị L là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Giao cháu P cho chị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị L tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp

dưỡng nuôi con.

Giao cháu N cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị L khai không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các H liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Nguyễn Thị Thu L khởi kiện yêu cầu xin được ly hôn với anh Trương Văn H và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Trương Trọng P. Do đó quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo xác nhận ngày 18/7/2018 của Công an xã D, huyện E. Anh Trương Văn H có đăng ký thường trú tại: ấp C, xã D, huyện E, tỉnh Bến Tre và hiện đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

[3] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn là anh Trương Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 đến phiên tòa xét xử nhưng anh Trương Văn H vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trương Văn H.

4] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 01/2002 ngày 01/10/2002 do Ủy ban nhân dân xã xã N, thành phố L, tỉnh Tiền Giang cấp. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong thời kỳ hôn nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau, sự việc được gia đình hai bên hòa giải khuyên ngăn nhưng chị L và anh H vẫn sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay vẫn không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị L và anh H hàn gắn tính cảm nhưng những lần hòa giải anh H đều vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh H đã không còn quan tâm đến quan

hệ hôn nhân này và mâu thuẩn hai bên đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh H.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 người con chung tên là: Trương Văn N, sinh ngày: 31/01/2003 hiện đang sống chung với anh H và Trương Trọng P, sinh ngày: 06/5/2007 hiện đang sống chung với chị Lan. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Phúc cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị L đồng ý để anh H tiếp tục nuôi cháu N cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, chị L không cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu N đang sống chung với anh H và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh Hải. Cháu P đang sống chung với chị L và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị L. Hiện nay cháu N và cháu P vẫn đảm bảo tốt về thể chất lẫn tinh thần, nhằm tránh xáo trộn cuộc sống của các cháu, do đó giao cháu P cho chị L, cháu N cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Sau khi ly hôn cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị L và anh H tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh H có tranh chấp về tài sản chung; về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[5] Đối với lời phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu L đối với anh Trương Văn H. Chị Nguyễn Thị Thu L được ly hôn với anh Trương Văn H.

[2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu L và anh Trương Văn H có 02 người con chung tên là: Trương Văn N, sinh ngày: 31/01/2003 và Trương Trọng P, sinh ngày: 06/5/2007.

- Giao cháu Trương Văn N cho anh Trương Văn H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận anh Trương Văn H tự nguyện không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thu L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu L không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với anh Trương Văn Hải.

Chị Nguyễn Thị Thu L không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Trương Văn H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Nguyễn Thị Thu L.

Chị Nguyễn Thị Thu L cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của anh Trương Văn H.

Anh Trương Văn H cùng các thành viên gia đình không được cản trở Chị Nguyễn Thị Thu L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Giao cháu Trương Trọng Phúc cho chị Nguyễn Thị Thu L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Thu L tự nguyện không yêu cầu anh Trương Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn H không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị Nguyễn Thị Thu L.

Anh Trương Văn H không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Nguyễn Thị Thu L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Trương Văn H.

Anh Trương Văn H cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Thu L.

Chị Nguyễn Thị Thu L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Trương Văn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con .

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung; Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thu L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận. Nếu sau này anh Trương Văn H có tranh chấp về tài sản chung; về nợ chung thì khởi kiện vụ án khác.

[4] Về án phí sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Buộc chị Nguyễn Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị Thu L đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0019294 ngày 13/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại. Chị Nguyễn Thị Thu L đã nộp đủ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị Thu L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Bến Tre giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Mỹ Chánh, thành phố Mỹ Tho;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THAD huyện Bình Đại;
- TAND tỉnh Bến Tre (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Quang Hải